

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 11-3-2022  
V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia  
đình - xin ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trương Trường Chinh**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Phạm Phước Tâm**
2. Bà **Võ Thị Diệp**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Đào Kim Xoa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 11 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 335/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/01/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Huyền A**, sinh năm 1997 (có mặt),

Đăng ký HKTT: Ấp PH, xã PTB, huyện TN, tỉnh Đồng Tháp. Hiện cư trú: Ấp AT, xã ĐHH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Trần Thị Huyền A là luật sư **Nguyễn Văn H** – Văn phòng luật sư MH, thuộc đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn U**, sinh năm 1993 (có mặt),

Địa chỉ: Ấp 3, xã BHT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện, lời khai tại tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Trần Thị Huyền A trình bày như sau:**

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn U kết hôn vào năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Hàng Tây, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp ngày 03/5/2018. Thời gian đầu, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc nhưng khoảng thời gian gần đây thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan

điểm. Nhận thấy cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Huyền Anh yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn U.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Nguyên D, sinh ngày 06/8/2018 hiện đang sống chung với anh U. Khi ly hôn chị Huyền A yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh U phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị còn trình bày thêm: Từ khi cháu D được sinh ra thì đã sống chung với cả 02 vợ chồng tại huyện CB, tỉnh Tiền Giang; khoảng tháng 4/2021 thì vợ chồng không còn sống chung nữa, anh U tự ý về quê tại ấp 3, xã BHT cho đến nay, cháu D tiếp tục ở lại sinh sống cùng với chị tại Tiền Giang, khoảng hơn 01 tháng nay thì anh U rước con về quê tại xã BHT nhưng anh U không giao con lại cho chị chăm sóc, trong thời gian này chị có đến thăm con nhưng anh U không tạo điều kiện mà cố tình gây khó khăn khi chị đến thăm con. Hiện tại chị làm nghề buôn bán (đồ ăn sáng và nước giải khát) tại huyện CBè, tỉnh Tiền Giang nên chị có rất nhiều thời gian, thu nhập hàng ngày từ 600.000 đồng đến 700.000 đồng nên chị có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Bị đơn anh Nguyễn Văn U trình bày tại phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm như sau:**

- Về hôn nhân: Anh U thống nhất với lời trình bày của chị Huyền A về việc vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2018 và việc CL Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Trong khoảng thời gian chung sống thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên đã không còn sống chung với nhau, anh đã trở về quê tại ấp 3, xã BHT Tây sinh sống còn chị Huyền A thì vẫn còn sinh sống tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Trần Thị Huyền A.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Nguyên D, sinh ngày 06/8/2018 hiện đang sống chung với anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị Huyền A phải cấp dưỡng nuôi con. Anh U còn trình bày, con chung sống chung với anh từ nhỏ cho đến nay. Anh là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con từ khi con được hơn 2 tuổi cho đến nay, trong thời gian này chị Huyền A đi làm ăn xa nhà lâu lâu mới về thăm con 01 lần. Anh làm thuê, chăm sóc vườn xoài gần nhà, thu nhập từ 5.800.000 đồng đến 6.200.000 đồng/tháng, đủ điều kiện kinh tế để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Hằng ngày, lúc anh đi làm thuê thì cháu D ở nhà, mẹ của anh sẽ thay anh chăm sóc cháu D; ngoài ra trong gia đình anh còn có nhiều người khác cùng chung sống gồm 02 anh trai của anh và 02 cháu của anh.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu chứng cứ gồm:** Bản sao Trích lục kết hôn giữa Trần Thị Huyền A và Nguyễn Văn

U, số đăng ký 33/2018 ngày 03/5/2018, đăng ký tại UBND xã BHT; Bản sao Trích lục khai sinh Nguyễn Nguyên D. Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được các đương sự thống nhất theo biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 24/12/2021.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Huyền A về việc ly hôn với anh Nguyễn Văn U và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn anh **Nguyễn Văn U** hiện đang cư trú tại xã BHT, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn U vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

[2.1] Căn cứ Bản sao Trích lục kết hôn số 250/TLKH-BS ngày 03/5/2018 của Ủy ban nhân dân xã BHT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp thể hiện chị Trần Thị Huyền A và anh Nguyễn Văn U đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Hàng Tây vào ngày 03/5/2018, đã có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của chị Huyền A và anh U là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giải thích, hòa giải, động viên đương sự đoàn tụ gia đình, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, cả hai vợ chồng đều cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, vợ chồng đã không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và không còn sống chung với nhau nên tình cảm vợ chồng cũng không còn, không thể đoàn tụ được; do đó, chị Huyền A vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh U. Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn U cho rằng trong khoảng thời gian chung sống, vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn, sau khi không còn sống chung thì không ai chủ động hàn gắn tình cảm, vợ chồng đã không còn quan tâm nhau trong khoảng thời gian dài nên tình cảm vợ chồng cũng không còn; do đó, anh U cũng đồng ý ly hôn với chị Huyền A.

[2.3] Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Huyền A và anh U có tồn tại mâu thuẫn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không đạt được mục đích như quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình nên không thể kéo

dài. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu của chị Huyền A về việc xin ly hôn với anh U là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Huyền A và anh U thống nhất vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Nguyên D, sinh ngày 06/8/2018. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Huyền A và anh U đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không ai có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[3.1] Đối với nguyên đơn chị Trần Thị Huyền A, hiện tại chị đang thuê mặt bằng tại huyện CB, tỉnh Tiền Giang với mục đích kinh doanh dịch vụ ăn, uống; có thể nói công việc cũng như chỗ ở của chị A tương đối ổn định. Chị A cho rằng thu nhập hàng ngày của chị không ổn định nhưng trừ đi tất cả chi phí phải bỏ ra thì chị cũng có tiền lời khoảng 600.000 đồng/ngày; hơn nữa, đối với công việc của chị A đang làm có rất nhiều thời gian để trực tiếp chăm sóc con. Tuy chị A không có gì để chứng minh thu nhập thực tế nhưng trong khoảng thời gian cháu D chỉ sống chung với chị thì cháu vẫn được chị chăm lo đầy đủ về vật chất lẫn tinh thần, con vẫn phát triển bình thường.

[3.2] Đối với anh Nguyễn Văn U, mặc dù cháu D đang sống với anh, anh cũng có nhà ở ổn định và đang được thuê làm công việc chăm sóc vườn xoài, anh cho rằng thu nhập hàng tháng của anh từ 5.800.000 đồng đến 6.200.000 đồng nhưng anh cũng không có gì để chứng minh về thu nhập cũng như công việc của anh là ổn định; về nhân khẩu trong gia đình anh U hiện tại có rất nhiều người, đặt biệt còn có nhiều cháu nhỏ cùng chung sống; đối với công việc làm vườn của anh mất rất nhiều thời gian nên sẽ không có nhiều thời gian để tập trung chăm sóc, giáo dục con chung.

[3.3] Xét thấy việc quyết định giao con chung cho bên nào được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Xét về khả năng thu nhập, điều kiện sống cũng như chỗ ở của cả hai vợ chồng là như nhau. Tuy nhiên, con chung hiện còn rất nhỏ, rất cần sự chăm sóc, giáo dục từ chính những người thân nhất của mình; mặt khác, sự phát triển tâm lý của trẻ trong giai đoạn này, ngoài những điều kiện nêu trên thì người trực tiếp nuôi dưỡng con chung cần phải có sự hiểu biết về tâm lý của con để biết cách hướng con đến những điều tốt đẹp nhất.

[3.4] Tại phiên tòa sơ thẩm, mặc dù cháu D còn nhỏ, chưa đủ 7 tuổi để lấy ý kiến theo quy định của pháp luật nhưng chị Huyền A và anh Vũ đều đồng ý nếu cháu D lựa chọn muốn sống với ai thì người đó được quyền nuôi dưỡng. Trong khoảng thời gian Hội đồng xét xử tạm dừng phiên tòa, vợ chồng đã được nghe sự lựa chọn của cháu D, cả hai đều thừa nhận cháu D muốn về ở với mẹ nhưng anh U lại không đồng ý giao con cho chị Huyền A nuôi dưỡng; tuy chị Huyền A và cháu D đã không gặp nhau một thời gian dài nhưng khi gặp lại mẹ thì cháu D rất vui mừng và vẫn muốn về sống chung với mẹ, chứng tỏ tình cảm giữa hai mẹ con là không thể tách rời được.

[3.5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy chị Trần Thị Huyền A có đủ điều kiện và khả năng nuôi dưỡng con chung với điều kiện tốt. Do đó, yêu cầu của chị Huyền A về việc được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp nên chấp nhận.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cấp dưỡng cho con. Đây là nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con; do đó, không phân biệt người trực tiếp nuôi con có khả năng kinh tế hay không, người không trực tiếp nuôi con vẫn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, chị Huyền A cho rằng chị có đầy đủ khả năng và điều kiện để nuôi con nên chị không yêu cầu anh U phải cấp dưỡng nuôi con; do đó, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị Huyền A và anh U trình bày thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị Huyền A và anh U trình bày trong quá trình sống chung, vợ chồng không có nợ ai cũng không cho ai mượn nợ; do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị Huyền A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 19, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Huyền A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Huyền A và anh Nguyễn Văn U.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Nguyên D, sinh ngày 06/8/2018 cho chị Trần thị Huyền A được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh U không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Anh không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trần Thị Huyền A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị Huyền A đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007047

ngày 15/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy chị Huyền A đã nộp xong án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Cao Lãnh;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- CC THADS huyện Cao Lãnh;
- UBND xã Bình Hàng Tây, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Trương Trường Chinh**